

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS-ST

Ngày 24-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG**

- TH4nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến H4nh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 127/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/HSST-QĐ ngày 10/02/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quốc H**; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh năm 1990;

Nơi đăng ký HKTT: Số nH4 33, đường NL, phường TP, tH4nh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề ngH: Lao Động tự do; Trình Đ học vấn: 12/12;

Họ và tên bố: Nguyễn Văn K, sinh năm 1958;

Họ và tên mẹ: Cao Thị B, sinh năm 1963;

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bản thân là thứ hai;

Họ và tên vợ: Thân Thị Thuý L, sinh năm 1999 (đã ly hôn);

Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2021;

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2022. Hiện đang tạm giam tại NH4 tạm giữ Công an huyện LG có mặt tại phiên tòa.

-Luật sư bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Đ- Văn phòng luật sư Cao Đức- Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nH4 133 phố L2, phường L2, tH4nh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị hại: Công ty Cổ phần T3 (nay là công ty Cổ phần tập đoàn SHX)- Chi nhánh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn 19, xã Xương Lâm, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thuận- Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà- Trưởng phòng H4nh chính nhân sự (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 13, Phường TH, quận B, thành phố H4 Nội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngô Văn D, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lý V, xã B4, huyện H 7, tỉnh Bắc Giang

2. Bà Hoàng Thị H4, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 96, đường Du, phường TH1, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Vũ Văn Cộn, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 06, hẻm 9, ngách 22, ngõ 445, đường L2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

4. Ông Nguyễn Văn L0, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Nam L, xã X, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

5. Anh Đào Văn D0, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn PM, xã XH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

6. Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

7. Chị Thân Thị Nh, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N0, xã H0, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

8. Anh Nguyễn Đăng Đ0, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện HL1, tỉnh Lạng Sơn.

9. Anh Đặng Văn Th, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã Đại Đ, huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn.

10. Anh Nông Hùng V, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Khòn C, xã Đại huyện TĐ, tỉnh Lạng Sơn.

11. Anh Hà Văn Q, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ng1, xã MT, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

12. Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn D, xã DL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.
13. Anh Hà Minh S0, sinh năm 1976 (vắng HL, tỉnh Lạng Sơn.
14. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: Phố B, xã An H4, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.
15. Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện YD, tỉnh Bắc Giang.
16. Anh Đỗ Xuân Tr, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn G, xã Đồng K, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.
17. Chị Đồng Thị G1, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: Chợ B, xã An H4, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.
18. Bà Cao Thị B, sinh năm 1962 (có mặt)
Địa chỉ: Số nhà 13, ngõ 14 đường ĐC, phường L2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Công ty Cổ phần T3, nay là Công ty Cổ phần tập đoàn SHX được Phòng đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, có địa chỉ trụ sở chính tại Km3, Quốc lộ 2, phường PT, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần 10.000 đồng; Người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Văn Thuận. Ngành nghề kinh doanh là sản xuất thiết bị điện nước gia dụng. Công ty mở Chi nhánh Bắc Giang, địa chỉ tại thôn 19, xã Xương Lâm, huyện LG, tỉnh Bắc Giang, gồm có 03 bộ phận là bộ phận kế toán, bộ phận kinh doanh và bộ phận dịch vụ. Chi nhánh Bắc Giang tại thời điểm năm 2019 có 5 người, gồm Ngô Văn D là Trưởng chi nhánh; Hoàng Thị H4 là kế toán; Nguyễn Quốc H là nhân viên kinh doanh; Vũ Văn Cộng là nhân viên bảo H4nh và Nguyễn Văn Lý là nhân viên lái xe. Ngày 16/10/2020, Công ty Cổ phần T3 có đơn tố giác Nguyễn Quốc H là nhân viên kinh doanh có H4nh vi tham ô số tiền 425.593.000 đồng và Ngô Văn D là trưởng chi nhánh có H4nh vi tham ô số tiền 132.172.000 đồng. Căn cứ kết quả điều tra xác định: Ngày 18/02/2018, Công ty ký hợp đồng lao Đng và có Quyết định tuyển dụng chính thức đối với Nguyễn Quốc H vào làm nhân viên kinh doanh tại Chi nhánh Bắc Giang thời hạn 03 năm từ ngày 18/02/2018, có nhiệm vụ phụ trách thị trường một huyện thuộc tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn. Khi thực hiện nhiệm vụ, H có trách nhiệm tiếp nhận thông tin đặt H4ng từ các đại lý, thông báo lại thông tin đặt H4ng của đại lý cho Chi nhánh để xuất H4ng (bán) cho các đại lý, theo dõi công nợ H4ng tháng đối với các đại lý và thu tiền của các

đại lý được giao phụ trách nộp về Kế toán Chi nhánh. Theo quy định của Công ty, cuối tháng kế toán chi nhánh chốt công nợ cho đại lý và nhân viên kinh doanh có trách nhiệm thu tiền của các đại lý được giao phụ trách, thu chậm nhất là vào ngày mùng 10 H4ng tháng và phải nộp ngay số tiền thu được cho kế toán chi nhánh để kế toán chuyển tiền về Công ty.

Lợi dụng nhiệm vụ được giao, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến hết tháng 3/2019, H đã thu được tổng số tiền 159.152.000 đồng của 13 đại lý, nH4 phân phối mua H4ng hóa, sản phẩm là thiết bị điện nước gia dụng của Công ty, được Công ty giao thu tiền nhưng không nộp về kế toán chi nhánh để nộp về Công ty mà tự ý giữ lại sử dụng chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau: Thu của Đại lý Dũng Hương số tiền 4.800.000 đồng; Thu của Đại lý Đông Chiên số tiền 11.940.000 đồng; Thu của Đại lý Bình Nhị số tiền 6.730.000 đồng; Thu của Đại lý Đạt Đăng tổng số tiền 20.180.000 đồng; Thu của Đại lý Đặng Thương số tiền 7.166.000 đồng; Thu của Đại lý Kiên Vương số tiền 17.786.000 đồng; Thu của Đại lý Quê Hoàn số tiền 22.360.000 đồng; Thu của Đại lý Trang Thoa do số tiền 20.200.000 đồng; Thu của Đại lý Trung Sơn số tiền 11.030.000 đồng; Thu của Đại lý Đệ Nữ số tiền 3.080.000 đồng; Thu của Đại lý Anh Ý số tiền 24.500.000 đồng; Thu của Đại lý Xuân Trường số tiền 4.600.000 đồng; Thu của Đại lý Thanh Giảng số tiền 4.780.000 đồng.

Ngoài làm nhân viên kinh doanh tại chi nhánh Bắc Giang của Công ty, H còn đứng ra thuê cửa H4ng tại địa chỉ thôn Liêm Xuyên, xã Song Khê, tH4nh phố Bắc Giang để mở đại lý lấy tên Anh Hưng nhập một số H4ng hoá, sản phẩm của Công ty bán cho khách lẻ có nhu cầu mua sản phẩm, H4ng hoá của Công ty. Khi H nghỉ làm tại Chi nhánh Bắc Giang (ngày 01/4/2022), số H4ng H nhập về đại lý Anh Hưng đã bán được cho khách lẻ chưa thanh toán cho Công ty còn lại tổng số tiền 57.632.000 đồng.

Ngày 05/4/2022 và ngày 20/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều Công an huyện LG ra Quyết định trưng cầu giám định đối với các tài liệu do Công ty Cổ phần T3 và các đại lý mua H4ng cung cấp gồm các quyển sổ và tờ giấy có ghi nội dung theo dõi công nợ, các mẫu phiếu giao H4ng (kièm phiếu xác nhận nợ), các mẫu phiếu thu tiền (kèm theo giấy biên nhận thu tiền), các mẫu biên bản đối chiếu công nợ, các mẫu biên bản sự việc và mẫu hợp đồng lao Đng. Ngày 20/4/2022 và ngày 20/10/2022, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang kết luận các chữ số, chữ viết, chữ ký trên các tài liệu giám định thể hiện việc các đại lý Đạt Đăng, Kiên Vương, Đông Chiên, Trang Thoa, Quê Hoàn thanh toán tiền cho Nguyễn Quốc H là do Nguyễn Quốc H ký và viết ra. Các chữ số, chữ viết, chữ ký trên các tài liệu giám định thể hiện việc các đại lý Anh Ý, Trung Sơn, Quỳnh Thúy thanh toán tiền cho Nguyễn Quốc H là do Nguyễn Quốc H ký và viết ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quốc H đã khai nhận toàn bộ H4nh vi phạm tội Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 29/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LG đã truy tố bị Nguyễn Quốc H đã phạm vào tội “Tham ô tài sản”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đính chính một phần Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Quốc H** từ **07** năm đến **07** năm **06** tháng tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2022.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Nguyễn Quốc H** phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T3 (nay là công ty Cổ phần tập đoàn SHX)- Chi nhánh Bắc Giang số tiền **159.152.000** đồng tiền trách nhiệm hình sự, nhưng được trừ vào số tiền **34.000.000** (ba mươi tư triệu) đồng bị cáo tự nguyện giao nộp theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng số 36 ngày 05/01/2023 tại Chi cục Thi H4nh án dân sự huyện LG và số tiền **82.784.000** đồng (Tám mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng chẵn) đã nộp theo biên lai thu số 0005179 ngày 13/02/2023 tại Chi cục Thi H4nh án dân sự huyện LG. Buộc bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền là **42.368.000** đồng.

Buộc bị cáo **Nguyễn Quốc H** phải trả Công ty Cổ phần T3 (nay là công ty Cổ phần tập đoàn SHX)- Chi nhánh Bắc Giang số tiền **57.632.000** (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn) đồng tiền trách nhiệm dân sự.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về H4nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện LG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về H4nh vi, quyết định của Cơ quan tiến H4nh tố tụng, người tiến H4nh tố tụng. Do đó

các H4nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến H4nh tố tụng, người tiến H4nh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với Luật sư, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai lưu tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 291, Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến H4nh xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra tại phiên tòa.

[2] Về H4nh vi của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận về toàn bộ H4nh vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với tang vật thu giữ được về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng từ tháng 02/2019 đến hết tháng 3/2019, **Nguyễn Quốc H** là nhân viên kinh doanh có H4nh vi thu tiền của các đại lý, nH4 phân phối trên địa bàn một số huyện thuộc tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn do Công ty Cổ phần T3 giao cho H quản lý và thu tiền nhưng sau khi thu được đã không nộp về Công ty theo quy định mà tự ý giữ lại sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền H thu được không nộp về Công ty mà chiếm đoạt được xác định là **159.152.000** đồng (một trăm năm mươi chín triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

H4nh vi của **Nguyễn Quốc H** đủ yếu tố cấu tH4nh của tội “Tham ô tài sản”, khi thực hiện H4nh vi phạm tội bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện H4nh vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự. Việc bị cáo bị truy tố, xét xử với tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] H4nh vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quan hệ xã hội liên quan đến hoạt Đng bình thường của các cơ quan, tổ chức trong nH4 nước và của cả các doanh ngH, tổ chức ngoài nH4 nước; làm cho cơ quan, tổ chức, doanh ngH này bị suy yếu, mất uy tín; làm cho nhân dân mất niềm tin vào Đảng và NH4 nước.

Bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà bị cáo có trách nhiệm quản lý tài sản để thực hiện H4nh vi tham ô tài sản thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Bị cáo nhận thức được H4nh vi tham ô tài sản là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện H4nh vi phạm tội nêu trên. Do đó cần phải xử lý về hình sự để giáo dục bị cáo trở tH4nh công dân biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tH4nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo có nhân thân tốt quá trình sinh sống chấp H4nh tốt mọi nội quy, quy định của địa phương, có ông nội và ông ngoại được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến được chính quyền địa phương xác nhận, nên cần áp dụng điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo nêu trên. HĐXX xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Do bị cáo hiện không có nghề nghH, bản thân không có tài sản riêng, vợ đã ly hôn phải nuôi ba con nhỏ, sức khỏe yếu nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX quyết định tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự để đảm bảo thi H4nh án.

*Đối với H4nh vi của Ngô Văn Duy- Trưởng chi nhánh, Hoàng Thị H4- Kế toán chi nhánh, Vũ Văn Cộng - Nhân viên bảo H4nh của chi nhánh và Nguyễn Văn Lý - Lái xe của chi nhánh kết quả điều tra xác định H4nh vi của những người này không cấu tH4nh tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Công ty Cổ phần T3 (nay là công ty Cổ phần tập đoàn SHX)- Chi nhánh Bắc Giang đề nghị Nguyễn Quốc H có trách nhiệm phải trả lại cho Công ty tổng số tiền là 216.784.000 đồng, trong đó số tiền chiếm đoạt phải chịu trách nhiệm hình sự là 159.152.000 đồng và số tiền trách nhiệm dân sự là 57.632.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc bị cáo Nguyễn Quốc H phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T3 (nay là công ty Cổ phần tập đoàn SHX)- Chi nhánh Bắc Giang số tiền 159.152.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu, một trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền trách nhiệm hình sự, nhưng được trừ vào số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) bị cáo tự nguyện giao nộp theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng số 36 ngày 05/01/2023 tại Chi cục Thi H4nh án dân sự huyện LG và số tiền 82.784.000 đồng (tám mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005179 ngày 13/02/2023 tại Chi cục Thi H4nh án dân sự huyện LG. Buộc bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền là 42.368.000 đồng (bốn mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc H phải trả cho Công ty Cổ phần T3 (nay là công ty Cổ phần tập đoàn SHX)- Chi nhánh Bắc Giang số tiền 57.632.000 đồng (năm mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền trách nhiệm dân sự.

6. Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di Động nhãn hiệu Iphone cũ đã qua sử dụng và 01 quyển sổ. Ngày 01/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LG ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc điện thoại di Động nhãn hiệu Iphone cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là chị Thân Thị Thùy Linh, sinh năm 1999 (vợ của Nguyễn Quốc H). HĐXX xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353 ; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Quốc H 07** (bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2022.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Nguyễn Quốc H** phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T3 (nay là công ty Cổ phần tập đoàn SHX)- Chi nhánh Bắc Giang số tiền 159.152.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu, một trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền trách nhiệm hình sự, nhưng được trừ vào số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) bị cáo tự nguyện giao nộp theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng số 36 ngày 05/01/2023 tại Chi cục Thi H4nh án dân sự huyện LG và số tiền 82.784.000 đồng (tám mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005179 ngày

13/02/2023 tại Chi cục Thi H4nh án dân sự huyện LG. Buộc bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền là 42.368.000 đồng (bốn mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Buộc bị cáo **Nguyễn Quốc H** phải trả cho Công ty Cổ phần T3 (nay là công ty Cổ phần tập đoàn SHX)- Chi nhánh Bắc Giang số tiền 57.632.000 đồng (năm mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền trách nhiệm dân sự.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi H4nh án có đơn đề nghị thi H4nh án mà người phải thi H4nh án không thi H4nh hoặc thi H4nh không đầy đủ số tiền phải thi H4nh án thì người phải thi H4nh án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi H4nh án theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi H4nh án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Nguyễn Quốc H** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi H4nh theo quy định tại Điều 2 Luật thi H4nh án dân sự thì người được thi H4nh án dân sự, người phải thi H4nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H4nh án, quyền yêu cầu thi H4nh án, tự nguyện thi H4nh án hoặc bị cưỡng chế thi H4nh án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi H4nh án dân sự. Thời hiệu thi H4nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H4nh án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND, Chi cục THADS huyện LG;
- Công an huyện LG;
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ, VP.

Đỗ Thị Quỳnh Hoa